

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Đề cương chi tiết “Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất
trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá”**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1495/TTr-SNNMT ngày 05/12/2025 về việc phê duyệt đề cương chi tiết lập “Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá” (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương chi tiết lập “Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá” (có Đề cương chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ nội dung Đề cương chi tiết được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, chỉ đạo Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa khẩn trương phối hợp với các đơn vị liên quan: (1) Lập dự toán kinh phí xây dựng “Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá” gửi Sở Tài chính để thẩm định; (2) Tổ chức triển khai xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt “Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá” đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định dự toán kinh phí xây dựng “Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá” và tham mưu cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo quy định.

3. Các Sở, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình xây dựng “Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá” theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ PHẠM VI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Cơ sở pháp lý:

Tại khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023 quy định: “**Căn cứ kế hoạch bảo vệ nước dưới đất**, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi”.

Tại khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023 quy định: “**Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất**. Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải ban hành trong thời hạn **không quá 03 năm** kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành và được xem xét, điều chỉnh định kỳ 05 năm hoặc điều chỉnh đột xuất để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ nguồn nước.

Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải xác định được các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm cần bảo vệ, phục hồi; ngưỡng khai thác nước dưới đất; khu vực cần khoanh định hoặc đưa ra khỏi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án khai thác nước dưới đất; khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giải pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất”.

Tại khoản 1 Điều 24 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo bố trí kinh phí và chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh”.

2. Cơ sở thực tiễn:

Tỉnh Thanh Hóa thuộc vùng Bắc Trung Bộ, là tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế để trở thành một trung tâm kinh tế - chính trị lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước. Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa đã và đang làm biến đổi mạnh mẽ các điều kiện môi trường và tài nguyên trên địa bàn tỉnh. Với tốc độ đô thị hóa phát triển, sự gia tăng dân số như hiện nay dẫn tới nhu cầu dùng nước không ngừng tăng cao trong đó nước dưới đất là một trong những nguồn cung cấp nước quan trọng cho sinh hoạt, sản xuất và các hoạt động khác trên toàn tỉnh; đồng thời nước dưới đất còn có vai trò quan trọng trong việc duy trì cân bằng hệ sinh thái, duy trì mực nước và dòng chảy của sông, hồ, đầm lầy, đặc biệt là trong mùa khô.

Hiện nay, trong quá trình khai thác nước dưới đất đã phát sinh và tiềm ẩn nhiều nguy cơ tác động xấu tới nguồn tài nguyên nước dưới đất, như: Khai thác vượt quá trữ lượng, các hoạt động xả thải không kiểm soát gây suy thoái chất lượng và cạn kiệt nguồn nước; khai thác chưa theo quy hoạch hoặc thiếu đánh giá/đánh giá chưa đầy đủ nguồn nước, dẫn đến tình trạng sụt giảm mực nước, gây sụt lún mặt đất; tốc độ đô thị hóa tăng, quá trình bê tông hóa bề mặt phát triển dẫn đến diện tích cung cấp nước từ nước mưa, nước mặt cho nước dưới đất ngày càng bị thu hẹp, gây cạn kiệt nguồn bổ sung cho nước dưới đất.

Để việc quản lý, bảo vệ, duy trì và phát triển nguồn nước dưới đất phục vụ khai thác sử dụng an toàn hợp lý, cân bằng hệ sinh thái và ngăn chặn các tác động tiêu cực đến nguồn nước dưới đất, việc lập Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (sau đây viết tắt là Kế hoạch) là rất cần thiết và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

- Các Nghị định của Chính phủ: Số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 13/2014/TT-BTNMT ngày 17/2/2014 quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; số 16/2017/TT-BTNMT ngày 25/7/2017 Ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Công văn số 7585/UBND-NNMT ngày 27/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 2734/SNNMT-TL ngày 24/4/2025.

- Các căn cứ và tài liệu kỹ thuật khác có liên quan.

III. TÊN NHIỆM VỤ, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Tên nhiệm vụ: Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn các xã, phường.

3. Thời gian lập Kế hoạch: Năm 2026-2027.

4. Đơn vị triển khai thực hiện

- Đơn vị triển khai thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường (trực tiếp là Chi cục Thủy lợi).

- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan.

IV. CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu của Kế hoạch.

2. Hiện trạng nguồn nước dưới đất và tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất.

3. Các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; danh mục các khu vực, tầng chứa nước cần ưu tiên phục hồi

4. Phương án, giải pháp bảo vệ, phục hồi đối với các khu vực, tầng chứa nước.

5. Đánh giá hiệu quả của Kế hoạch.

6. Đề xuất, kiến nghị.

7. Tổ chức thực hiện.

Phần II

MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH

I. Mục tiêu tổng quát:

Quản lý, bảo vệ, duy trì và phát triển bền vững nguồn nước dưới đất, đảm bảo khai thác, sử dụng an toàn, hiệu quả; phòng ngừa và khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; xác định rõ các khu vực, tầng chứa

nước cần bảo vệ, phục hồi và quản lý theo quy định pháp luật; đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, quy hoạch tỉnh và điều kiện nguồn lực địa phương nhằm nâng cao tính khả thi, hiệu quả và sự đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. Mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá đầy đủ hiện trạng nguồn nước dưới đất, bao gồm: Trữ lượng, mực nước, chất lượng, xu thế biến động, hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

- Xác định được phạm vi các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và nguyên nhân gây ra; phương án tổ chức thực hiện các giải pháp khoanh định hoặc đưa ra khỏi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; ngưỡng khai thác nước dưới đất; phương án khai thác nước dưới đất; khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giải pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất. Ưu tiên bảo vệ, phục hồi các tầng chứa nước khai thác chính, các tầng chứa nước được khai thác để cấp nước sinh hoạt.

- Định hướng phương án khai thác nước dưới đất hợp lý và các giải pháp bảo vệ chất lượng nước và kiểm soát nguy cơ ô nhiễm nước dưới đất.

- Nâng cao năng lực giám sát tài nguyên nước dưới đất, bao gồm giám sát khai thác, mực nước và chất lượng nước, phục vụ công tác cảnh báo, phòng ngừa suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm.

Phần III

HIỆN TRẠNG NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÀ TÌNH HÌNH Ô NHIỄM, SUY THOÁI, CẠN KIẾT CỦA NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng nghiên cứu.

1.1. Đặc điểm địa hình

1.2. Đặc điểm khí hậu

1.3. Độ ẩm không khí và bốc hơi

1.4. Lượng mưa

1.5. Giao thông

1.6. Dân cư, kinh tế

2. Đánh giá hiện trạng nước dưới đất

2.1. Các tầng chứa nước trong khu vực.

2.2. Đánh giá hiện trạng, diễn biến khai thác, sử dụng nước dưới đất; hiện

trạng, diễn biến mực nước dưới đất; hiện trạng, diễn biến chất lượng nước dưới đất, xâm nhập mặn; hiện trạng, diễn biến sụt, lún đất có liên quan đến thăm dò, khai thác nước dưới đất; nguyên nhân gây ra tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm các tầng chứa nước trên địa bàn tỉnh.

2.3. Các tài liệu liên quan đến lập kế hoạch bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

Phần IV

CÁC KHU VỰC, TẦNG CHỨA NƯỚC BỊ SUY THOÁI, CẠN KIẾT, Ô NHIỄM; DANH MỤC CÁC KHU VỰC TẦNG CHỨA NƯỚC CẦN ƯU TIÊN PHỤC HỒI

1. Xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất cho từng khu vực trên địa bàn tỉnh.
2. Các khu vực, tầng chứa nước có tổng lưu lượng khai thác đã đạt đến hoặc vượt quá 90% ngưỡng khai thác nước dưới đất.
3. Khu vực, tầng chứa nước có mực nước trung bình trong 6 tháng mùa khô trong các giếng quan trắc hoặc giếng khai thác đã đạt đến hoặc vượt quá 95% giới hạn mực nước khai thác và có xu hướng tiếp tục suy giảm.
4. Khu vực đã xảy ra sụt, lún đất hoặc có nguy cơ sụt, lún đất.
5. Khu vực, tầng chứa nước có nguy cơ bị nhiễm mặn; bị ô nhiễm một trong các thông số amoni, nitrit, nitrat, arsenic hoặc thông số kim loại nặng khác theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
6. Danh mục các khu vực, tầng chứa nước cần ưu tiên bảo vệ, phục hồi (phải thể hiện rõ về phạm vi hành chính, diện tích phân bố và các nguyên nhân gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước dưới đất).

Phần V

PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP BẢO VỆ, PHỤC HỒI ĐỐI VỚI TỪNG KHU VỰC, TẦNG CHỨA NƯỚC THUỘC DANH MỤC CÁC KHU VỰC, TẦNG CHỨA NƯỚC CẦN ƯU TIÊN BẢO VỆ, PHỤC HỒI

1. Các khu vực, tầng chứa nước cần khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc triển khai thực hiện các biện pháp cấm hoặc hạn chế khai thác nước dưới đất.

2. Các khu vực, tầng chứa nước cần đưa ra khỏi vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có).
3. Các khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất.
4. Các khu vực ô nhiễm nước dưới đất cần kiểm soát chặt chẽ các hoạt động sử dụng phân bón, hóa chất trong sản xuất nông nghiệp; khu vực cần kiểm soát chặt chẽ các chất thải, nguồn thải, các hoạt động khoan, đào và các hoạt động khác có khả năng gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất.
5. Đề xuất, điều chỉnh các phương án khai thác, sử dụng nước dưới đất.
6. Căn cứ đặc trưng nguồn nước dưới đất tại từng khu vực trên địa bàn tỉnh quy định các nội dung, yêu cầu bảo vệ nước dưới đất khác có liên quan.

Phần VI

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VỀ KINH TẾ - TÀI CHÍNH VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA KẾ HOẠCH

1. Đánh giá hiệu quả về kinh tế
2. Đánh giá hiệu quả về xã hội
3. Đánh giá tác động về môi trường
4. Đánh giá tính bền vững của Kế hoạch
5. Khả năng rủi ro của Kế hoạch

Phần VII

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị chung
2. Đề xuất, kiến nghị cụ thể

Phần VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- 1. Các Sở ban ngành cấp tỉnh**
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường.
 - Các sở, ban, ngành liên quan.
- 2. UBND các xã, phường**